

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2022
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị M, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị M trình bày: Năm 2017 chị M và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống, anh chị không hợp nhau về tính cách; hằng ngày anh T đi biển nhưng không mang tiền về nhà, chị

M phải gánh vác mọi việc trong gia đình. Tuy sống bên vợ, nhưng anh T không tôn trọng cha mẹ vợ, muốn làm gì thì làm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị M bỏ nhà đi từ tháng 9/2019. Từ đó đến nay đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra ngày càng tăng. Nay tình cảm không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T. Chị M và anh T không con chung, không tài sản và nợ chung nên không yêu cầu vấn đề gì khác.

- Anh T vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị M yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M yêu cầu được ly hôn với anh T, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ để hòa giải hai lần nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T cũng được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Năm 2017 anh T và chị M đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Chị M xác định tình cảm không còn, không thể quay lại sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Anh T đi làm thuê không về tham gia hòa giải và xét xử được. Qua xác minh thì bà H là mẹ ruột sống chung nhà với anh T cho biết: Anh T và chị M mâu thuẫn và sống riêng đã lâu, anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng do đi làm thuê nên không về theo thời gian Tòa án triệu tập được.

[3] Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, anh T không về tham gia hòa giải nên Tòa án không động viên anh chị hàn gắn được. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh chị chưa có con chung và không tranh chấp gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho anh chị được ly hôn.

[4] Anh chị đều khai không có con chung, không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh T. Chị M được ly hôn với anh T.

2- Về án phí sơ thẩm: Chị M chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004879 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận